TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **218**/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 04/07/2023.
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ
Ông Trần Văn Chánh
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1223/2023/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "*Ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

- Nguyên đơn: Ông **Phan Thành N**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A, đường NTH, khu phố 1, phường TB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hoàng O**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số A, đường NTH, khu phố 1, phường TB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N, bà O có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại hồ sơ ông Phan Thành N trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị Hoàng O tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 07/06/1988. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng

quan điểm sống khác nhau dẫn đến ứng xử khác nhau nên thường cải nhau. Hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại để nói chuyện, hàn gắn nhưng không được được, mâu thuẫn càng ngày càng nhiều, càng trầm trọng và liên tục kéo dài không khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã ly thân từ lâu. Từ năm 2021 đến nay hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, kinh tế riêng biệt, không ăn cơm cùng nhau nên ông xin Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng O.

- **Về con chung:** Có 02 con là Phan Nguyễn Hoàng A sinh ngày 09/3/1989 và Phan Nguyễn Cao N sinh ngày 24/12/1992. Do 02 con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung**: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về Nợ chung**: Ông cam kết vợ chồng ông không có nợ chung.

- **Về án phí**: Ông Nhơn xin tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

***Tại bản tự khai ngày 19/6/2023 bà Nguyễn Thị Hoàng O trình bày**:

Bà và ông Phan Thành N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 07/06/1988. Sau khi kết hôn quá trình sống chung không hạnh phúc nhưng vì 02 con nên ông bà vẫn chung sống với nhau. Nay ông Phan Thành N yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn với ông Phan Thành N.

Về con chung: Có 02 con là Phan Nguyễn Hoàng A sinh ngày 09/3/1989 và Phan Nguyễn Cao N sinh ngày 24/12/1992. Do 02 con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Thành N và bà Nguyễn Thị Hoàng O kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét ông Phan Thành N và bà Nguyễn Thị Hoàng O là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về Nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thành N và bà Nguyễn Thị Hoàng O kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Ông Phan Thành N và bà Nguyễn Thị Hoàng O sau khi kết hôn, chung sống với nhau không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hai ông bà đã sống ly thân nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Phan Thành N xin ly hôn và bà Nguyễn Thị Hoàng O cũng đồng ý ly hôn để giải thoát cho nhau, vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Phan Thành N.

[2] Về con chung: Có 02 con là Phan Nguyễn Hoàng A sinh ngày 09/3/1989 và Phan Nguyễn Cao N sinh ngày 24/12/1992. Các con đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Thành N và bà Nguyễn Thị Hoàng O khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phan Thành N phải chịu tiền tạm ứng án phí dân sự về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình 1986; Điều 55, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Thành N. Ông Phan Thành N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng O.

- Về con chung: Có 02 con là Phan Nguyễn Hoàng A sinh ngày 09/3/1989 và Phan Nguyễn Cao N sinh ngày 24/12/1992. Các con đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Thành N và bà Nguyễn Thị Hoàng O khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Thành N phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phan Thành N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007607 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP Biên Hòa;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-Các đương sự;
-Thi hành án;
-Lưu hồ sơ, Vp;
-Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc